

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HSST
Ngày 26/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Toàn;

Ông Trần Quyết Tiến.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông
Tạ Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2017, tại Trường tiểu học M thành phố H, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2017/HSST ngày 19/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/HSST - QĐ đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn L, sinh ngày 08/3/1988 tại H; nơi đăng ký HKTT: Tổ 12, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lái xe; ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn L4 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Nguyễn Thị P và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 27/6/2017, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt;

2. Phạm Ngọc Tư L1, sinh ngày 20/4/1998 tại H; nơi đăng ký HKTT: Tổ 12, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn L4 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 27/6/2017, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt;

3. Nguyễn Thế H, sinh ngày 22/11/1993 tại Vị Xuyên - Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Tổ 3, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân V và bà Hoàng Thị A; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 28/6/2017, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt;

4. Nguyễn Văn H1, sinh ngày 20/5/1991 tại Vị Xuyên - Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Tổ 3, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang; chỗ ở: Tổ 12, phường M, thành

phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H3; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Thành L2 sinh năm 1986; địa chỉ: Công an phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Anh Hoàng Đại U sinh năm 1985; địa chỉ: Công an phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang;

- Anh Hoàng Huy H2 sinh năm 1985; địa chỉ: Công an phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Anh Mai Tiến V sinh năm 1988; địa chỉ: Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị P sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 12, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 12, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Diu Di K; địa chỉ: Công an phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Bà Vũ Thị Kim L3; địa chỉ: Công an phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 27/6/2017, sau khi uống bia cùng Phạm Văn L (anh trai của L1) và Nguyễn Thế H (là em họ của vợ L) tại quán bia H (thuộc tổ 04, phường M, thành phố H), Phạm Ngọc Tư L1 điều khiển xe mô tô Dream không có gương chiếu hậu, đèo Nguyễn Thế H, cả hai đều không đội mũ bảo hiểm, quá trình tham gia giao thông L1 có hành vi rú ga, bấm còi liên tục.

Tại thời điểm đó, tổ công tác của Công an phường M gồm có ông Diu Di K (tổ trưởng), anh Nguyễn Thành L2 (tổ viên) đang thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông tại ngã 5, thuộc tổ 5 phường M thành phố H tỉnh Hà Giang, theo kế hoạch số 145 ngày 01/6/2017 của Công an phường M, thành phố H. Tổ công tác phát hiện Phạm Ngọc Tư L1 đèo Nguyễn Thế H ba lần đi qua khu vực ngã 5, cả hai người đều không đội mũ bảo hiểm, xe không có gương chiếu hậu và có hành vi rú ga, bấm còi liên tục. Mỗi lần đi qua, L1 nói với tổ công tác "*Làm tý đi anh*" và có thái độ khiêu khích tổ công tác. Anh Nguyễn Thành L2 đã sử dụng gậy điều khiển giao thông ra tín hiệu cho L1 dừng xe lại nhưng L1 không chấp hành mà tiếp tục điều khiển xe mô tô đi theo trục đường T sau đó rẽ vào đường V, thành phố H để về nhà. Thấy vậy,

anh L2 đã báo cáo nhanh với ông K rồi điều khiển xe mô tô đi theo sau xe của L1, khi đi đến khu vực ngã 3 giao nhau giữa đường V và đường Đ thuộc khu vực tổ 7 + tổ 12, phường M (cách nhà L1 khoảng 30m), anh L2 vượt lên phía trước xe của L1, ra tín hiệu dừng xe. Khi L1 dừng xe, anh L2 đã rút chìa khóa xe của L1 và giải thích lỗi vi phạm đồng thời yêu cầu L1 xuất trình giấy tờ để kiểm tra nhưng L1 không chấp hành.

Cùng lúc đó Phạm Văn L và Nguyễn Thị P (vợ L) cùng những người thân của L1 từ trong nhà số 34 đường V thuộc tổ 12 phường M thành phố H tỉnh Hà Giang đi ra. Phạm Văn L đến hỏi anh L2 *“em tôi bị làm sao, sao anh lại giữ xe của tôi”*, anh L2 thông báo lỗi vi phạm giao thông của L1 và H cho L biết. L liền đề nghị anh L2 bỏ qua lỗi vi phạm nhưng anh L2 không đồng ý. Lúc này L, L1 liền chửi bới, xúc phạm và đe dọa anh L2. Thấy vậy anh L2 đã gọi điện thoại cho bà Vũ Thị Kim L3 là Phó Trưởng Công an phường M thành phố H để báo cáo sự việc và xin tăng cường lực lượng hỗ trợ. Bà L3 đã phân công anh Hoàng Đại U và anh Hoàng Huy H2 là cán bộ Công an phường M xuống hiện trường để hỗ trợ anh L2 giải quyết vụ việc.

Phạm Văn L đứng trước mặt anh L2 và nói: *“Hôm nay tao chỉ bỏ ra vài ba trăm nghìn nộp ở Kho bạc nhé, nhưng riêng tao với mày nhé, Đ.. mẹ mày tao không bao giờ quên mày. Thằng L2 béo nhé, mày nhớ mặt tao nhé...”*. Nguyễn Thị P nói: *“Công an này đến nhà đón của dân...”*. Phạm Văn L tiếp tục dùng tay phải chỉ vào mặt anh L2, sau đó nắm quả đấm dí vào cằm, cổ của anh L2 và nói: *“... Tao mà nhìn thấy mặt mày nhé, Đ... mẹ mày, tao sẽ xúc mày luôn tại chỗ. Nếu màu áo này không phải trên người mày nhé, Đ... mẹ mày cởi áo như tao này nhé, tao xúc vào mồm mày luôn”*, đồng thời đấm vào má trái của anh L2. Thấy vậy anh U và anh H2 cùng vào can ngăn thì L1 (đang cởi trần, vắt áo trên vai), Nguyễn Văn H1 (em trai ruột của P) và bà Nguyễn Thị C (mẹ của L1 và L) ở trong nhà nghe thấy có người nói to tiếng nên ra xem và vào can ngăn. Mọi người đang giằng co nhau thì Nguyễn Thị P dắt chiếc xe máy là tang vật vi phạm về nhà. Khi P dắt xe đi được khoảng 5m thì anh L2 đuổi theo giữ chiếc xe máy lại, thấy vậy L1 và L đến đứng trước mặt anh L2, L nói: *“Mày nhớ mặt tao”* đồng thời dùng tay phải tát vào má trái anh L2. Anh L2 cũng tiến về phía L để không chế L thì H1 đã lao vào ôm phía sau và dùng tay phải đấm vào mạng sườn bên phải của anh L2 hai phát. Phạm Ngọc Tư L1 đứng chắn giữa anh L2 và L đồng thời dùng hai tay ôm cổ anh L2 từ phía trước. Nguyễn Thế H cũng túm tay, ôm và dùng đầu húc, đẩy anh H2 ra ngoài không cho vào can và dùng hai tay đấm vào mạng sườn của anh H2 hai phát. Sau đó H chỉ tay vào mặt anh H2 và nói to: *“Tao vào can mày đánh tao, mày không được đánh tao...”*.

Quá trình giằng co, sợi dây chuyền L đeo trên cổ bị đứt. L cầm sợi dây chuyền màu trắng lao vào quật về phía anh U khiến anh U phải lùi lại. Anh L2 túm được sợi dây chuyền của L. L1 vòng ra đằng sau dùng tay phải quặp, kẹp chặt cổ của anh L2. L lao vào đấm, L1 tiếp tục ghi cổ anh L2 kéo về phía chiếc xe ô tô tải đang đỗ ở rìa đường. L lao vào dùng tay trái đấm hai nhát trúng vào đầu của anh L2 đồng thời dùng tay phải đấm một phát trúng vào mặt của anh L2. H1 lao vào gạt tay của anh U, anh

H2 ra, không cho anh U và anh H2 gỡ tay của L1 đang quặp, kẹp cổ anh L2, H1 dùng tay trái giữ tay phải của anh L2 không cho anh L2 chống cự.

Sau khi được mọi người vào can ngăn, L1 đã bỏ tay quặp cổ anh L2 ra và tiếp tục có thái độ hung hăng, chửi bới, thách thức đồng thời nhiều lần định lao vào hành hung các cán bộ Công an trong tổ công tác. P dắt chiếc xe mô tô BKS 23H1-5537 về nhà.

Nhận được tin báo, tổ công tác của Đội cảnh sát cơ động 113 thuộc Phòng PC 64 Công an tỉnh Hà Giang đến địa bàn xảy ra vụ việc và tiến hành lập biên bản về hành vi chống người thi hành công vụ đối với Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tư L1, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1, nhưng L, L1, H và H1 không ký biên bản mà tiếp tục có lời nói thách thức, vu cáo những người đang thực thi công vụ.

Cơ quan công an thành phố H đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tư L1 và Nguyễn Thế H. Quá trình thi hành lệnh bắt khẩn cấp, Phạm Văn L đã không chấp hành lệnh bắt và Nguyễn Thị P (là vợ của L) đã có hành vi cản vào khuỷu tay trái của anh Mai Tiến V là cán bộ Công an thành phố H đang thực hiện nhiệm vụ đưa Phạm Văn L lên xe ô tô của Cơ quan công an.

Tại bản cáo trạng số 61/KSĐT-TA ngày 19/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tư L1, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1 về tội Chống người thi hành công vụ, theo khoản 1 Điều 257BLHS;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa nhận định; Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Chống người thi hành công vụ, theo khoản 1 Điều 257BLHS; Các bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Sau khi phân tích tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tư L1, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1 về tội Chống người thi hành công vụ.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 53 BLHS, xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn L từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2017.

- Bị cáo Phạm Ngọc Tư L1 từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2017.

- Bị cáo Nguyễn Thế H từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 6 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 31, Điều 53 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Hà

Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M nơi bị cáo đang tạm trú cùng giám sát giáo dục bị cáo. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu đề nghị bồi thường nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 BLTTHS và Điều 41 BLHS

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 dây chuyền kim loại màu trắng đựng trong 01 chiếc phong bì đã niêm phong;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo phông cộc tay; 01 chiếc quần soóc thể thao; 01 chiếc áo ba lỗ màu trắng và 01 chiếc quần đùi màu trắng kẻ ô vuông là những vật chứng không còn giá trị sử dụng.

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tư L1, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng APhSST theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

- Lời trình bày của các bị cáo:

Các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tư L1, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1 đều trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo về tội Chống người thi hành công vụ là đúng người, đúng tội. Các bị cáo phạm tội là do bị say rượu nên không làm chủ được bản thân, sau khi bị khởi tố, điều tra các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận về việc làm sai trái của mình. Các bị cáo đều thừa nhận các tình tiết của vụ án đúng như nội dung của bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Anh Nguyễn Thành L2, anh Hoàng Đại U, anh Hoàng Huy H2, anh Mai Tiến V đều khai trong khi thực hiện nhiệm vụ thì bị các bị cáo dùng vũ lực cản trở chống đối và gây thương tích cho họ, tuy nhiên mức độ thương tích không đáng kể và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của

những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với biên bản xem xét dấu vết trên thân thể đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản kiểm tra nồng độ cồn đối với các bị cáo; các kết luận giám định số 3421; 3422; 3424/C54 -P6, ngày 08/9/2017 và số 4644/C54-P6, ngày 14/9/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và các bức ảnh được trích xuất từ các USB sao lưu dữ liệu từ những Camera lắp đặt tại khu vực thuộc tổ 5, tổ 7 và tổ 12 phường M thành phố H.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 27/6/2017, khi đi qua khu vực ngã 5 thuộc tổ 5 phường M, thành phố H, Phạm Ngọc Tur L1 và Nguyễn Thế H có hành vi vi phạm về an toàn giao thông đường bộ. Anh Nguyễn Thành L2 đang làm nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực ngã 5 đã ra tín hiệu yêu cầu Phạm Ngọc Tur L1 dừng xe, nhưng L1 không chấp hành. Anh Nguyễn Thành L2 điều khiển xe mô tô đi theo xe của Phạm Ngọc Tur L1, khi đến ngã ba giao nhau giữa đường V và phố Đ thuộc tổ 7 và tổ 12 phường M thì anh L2 vượt xe của L1 và ra tín hiệu cho L1 dừng xe. Khi anh L2 yêu cầu L1 xuất trình giấy tờ để kiểm tra, L1 không chấp hành theo yêu cầu của anh L2. Cùng lúc đó Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tur L1, Nguyễn Thị P từ số nhà 34 đường V đi ra, L đề nghị anh L2 bỏ qua lỗi vi phạm của L1 và H nhưng anh L2 không đồng ý. Phạm Văn L và Phạm Ngọc Tur L1 liền chửi bới, xúc phạm và đe dọa anh L2. Anh L2 đã gọi điện thoại cho bà Vũ Thị Kim L3 - Phó trưởng công an phường M để báo cáo và xin tăng cường lực lượng hỗ trợ. Bà L3 đã cử anh Hoàng Đại U và anh Hoàng Huy H2 cán bộ công an phường đến hiện trường để hỗ trợ anh L2 giải quyết vụ việc. Các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tur L1, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1 đã không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ. Không dừng lại ở đó, các bị cáo còn có hành vi chửi bới, giằng co, đe dọa và tấn công những người đang thực thi công vụ. Công an thành phố H đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tur L1 và Nguyễn Thế H, nhưng Phạm Văn L vẫn không chấp hành lệnh bắt khẩn cấp của cơ quan công an.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều nhận thức được hành vi chống lại người thi hành công vụ là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên do coi thường pháp luật nên khi lực lượng cảnh sát xử lý hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ, các bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực tấn công những người đang thực thi công vụ. Các bị cáo thực hiện hành vi chống đối lực lượng cảnh sát đang thực thi công vụ với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của nhà nước trong lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Chống người thi hành công vụ được quy định tại Điều 257 của BLHS.

Tình hình loại tội phạm chống người thi hành công vụ diễn ra ngày càng nghiêm trọng, quyết liệt, ảnh hưởng xấu và làm giảm hiệu quả hoạt động quản lý của Nhà nước về hành chính. Vì vậy xét thấy cần xử lý các bị cáo với mức hình phạt thật nghiêm khắc để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm đang diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn tỉnh Hà Giang hiện nay.

Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau chống đối lại lực lượng cảnh sát đang thực thi nhiệm vụ; các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò, do vậy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Để xem xét trách nhiệm đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này bị cáo Phạm Văn L là người có hành vi chống đối đầu tiên, hành vi chống đối rất quyết liệt nên phải chịu trách nhiệm chính, cần xử lý thật nghiêm khắc đối với bị cáo. Tiếp đến là bị cáo Phạm Ngọc Tư L1 khi thấy bị cáo L chống đối người thi hành công vụ, bị cáo cũng tiếp sức tích cực cùng bị cáo L chống đối lại lực lượng chức năng đang thực thi công vụ. Đối với các bị cáo Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1 cũng có hành vi chống người thi hành công vụ, nhưng xét thấy mức độ chống đối không quyết liệt như các bị cáo L và L1 nên các bị cáo H và H1 phải chịu nhiệm nhẹ hơn các bị cáo L và L1. Khi xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi bị khởi tố điều tra các bị cáo đã nhận thức được tội lỗi của mình, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, các bị cáo Phạm Ngọc Tư L1 và Nguyễn Thế H đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính; các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tư L1, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Do đó cần xem xét áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt tù bị cáo Phạm Văn L mức án cao nhất, tiếp đến là bị cáo Phạm Ngọc Tư L1 và bị cáo Nguyễn Thế H; đối với bị cáo Nguyễn Văn H1 do mức độ phạm tội ít nghiêm trọng hơn nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường M nơi bị cáo đang tạm trú và gia đình bị cáo cùng giám sát giáo dục bị cáo. Do bị cáo Nguyễn Văn H1 làm nghề Lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H1.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Thị P cũng có hành vi chống người thi hành công vụ, xét thấy mức độ vi phạm chưa đến mức xử lý bằng biện pháp hình sự, Cơ quan công an đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị P với mức xử phạt tiền là 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa đáng, đúng pháp luật.

[3]. Về vật chứng: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án các vật chứng gồm: 01 dây chuyền kim loại, 01 chiếc áo phông cộc tay, 01 chiếc quần soóc, 01 chiếc áo ba lỗ và 01 chiếc quần đùi. Xét thấy sợi dây chuyền là công cụ bị cáo Phạm Văn L dùng làm công cụ phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[4]. Về án phí: Do các bị cáo đã phạm tội nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tư L1, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1 phạm tội Chống người thi hành công vụ.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 257, Điều 53, các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn L 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, Điều 53, các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Tư L1 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, Điều 53, các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 6 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, Điều 53, các điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 31 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường M cùng giám sát giáo dục bị cáo. Thời gian chấp hành tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường M nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn H1.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 BLTTHS và Điều 41 BLHS,

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 dây chuyền kim loại màu trắng đựng trong 01 chiếc phong bì đã niêm phong;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo phông cộc tay; 01 chiếc quần soóc thể thao; 01 chiếc áo ba lỗ màu trắng và 01 chiếc quần đùi màu trắng kẻ ô vuông là những vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Đặc điểm, tình trạng các vật chứng như biên bản Giao nhận vật chứng ngày 23/10/2017 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Ngọc Tư L1, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- PC44; PV27 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Cục thi hành án tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Văn Hùng